TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 03/2025/QĐST-HNGĐ	*Thanh Hóa, ngày 11 tháng 9 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v *"Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn"*
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - THANH HOÁ

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Nguyễn Văn Hùng

Thư ký phiên họp: Bà Lê Hà My - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thanh Hóa

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Thanh Hóa tham gia phiên họp: Ông Nguyễn Văn Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thanh Hóa mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 110/2025/TLST-HNGĐ ngày 18/8/2025 về việc "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn"* theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 01/2025/QĐST-HNGĐ ngày 03/9/2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Chị Lê Thị Phương T - Sinh ngày 06/5/2003;

Số CCCD: 038303009881;

Địa chỉ: Tổ dân phố V, phường S, tỉnh Thanh Hóa.

2. Anh Lê Vĩnh T1 - Sinh ngày 13/4/1979;

Hộ chiếu số: C9494694 cấp ngày 18/02/2022;

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Tổ dân phố Đ, phường S, tỉnh Thanh Hóa;

Địa chỉ cư trú hiện tại: Svatopluka Cecha 2192/5474101 Novy Jicin - Cộng hòa Séc.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ

Tại đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, bản tự khai, chị Lê Thị

Phương T và anh Lê Vĩnh T1 trình bày:

Về hôn nhân: Chị T, anh T1 kết hôn với nhau trên cơ sở hôn nhân tự nguyện và đăng ký kết hôn vào ngày 30/8/2023 tại Đại sứ quán Việt Nam tại CH Séc. Thời gian đầu sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng anh chị vui vẻ và hai người chung sống hạnh phúc tại CH Séc. Đến đầu năm 2025 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách không còn hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không quan tâm nhau, vợ chồng mâu thuẫn trong vấn đề kinh tế và cuộc sống hôn nhân dần lâm vào bế tắc. Mặc dù đã được hai bên gia đình nhiều lần liên lạc, động viên, hàn gắn nhưng đều không có kết quả, thậm chí mâu thuẫn ngày càng gay gắt hơn, ngoài ra vợ chồng không có con chung nên tình cảm càng phai nhạt và không có sự gắn kết. Từ tháng 05/2025 anh chị sống ly thân nhau cho tới nay. Quá trình ly thân vợ chồng không còn quan tâm nhau nữa. Nay anh chị đều xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Về con chung: Anh, chị chưa có con chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản, công nợ chung: Anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên họp, anh T1 và chị T vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát:

Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký phiên họp: Đã tuân thủ đúng quy định của Điều 369 Bộ luật tố tụng dân sự về việc tiến hành phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Quá trình giải quyết việc dân sự, các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ khoản 2 Điều 367 BLTTDS; các Điều 51; Điều 55 Luật HNGĐ 2014. Chấp nhận đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh Lê Vĩnh T1 và chị Lê Thị Phương T.

Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lê Vĩnh T1 và chị Lê Thị Phương T.

Về lệ phí: Chị Lê Thị Phương T phải chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự (theo thoả thuận của anh T1 và chị T) theo quy định tại Điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 35; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, số tiền là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí do chị T đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thanh Hóa nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Thẩm quyền giải quyết: Anh Lê Vĩnh T1 đang sống và lao động tại CH Séc, chị Lê Thị Phương T có địa chỉ thường trú tại phường S, tỉnh Thanh Hóa và anh chị có đơn lựa chọn Tòa án khu vực 4 - Thanh Hóa giải quyết nên việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thanh Hóa theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ Luật tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án số 85/2025/QH15 của Quốc hội.

[1.2] Chị T và anh T1 có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 367 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án mở phiên họp vắng mặt anh, chị.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị T và anh T1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp. Nay anh, chị có đơn yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Việc thuận tình ly hôn giữa anh, chị là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với pháp luật nên công nhận theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Anh, chị chưa có con chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

[2.3]. Về tài sản, công nợ chung: Anh, chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

[3]. Về lệ phí: Anh chị thỏa thuận, chị T tự nguyện nộp toàn bộ lệ phí ly hôn sơ thẩm.

Các nội dung thỏa thuận trên của chị T và anh T1 là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 2 Điều 29; Điều 361; khoản 2 Điều 367; Điều 370; Điều 396; khoản 2 Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ Luật tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án số 85/2025/QH15 của Quốc hội

Điều 51; Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

Khoản 1 Điều 35; Khoản 1, khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Phương T và anh Lê Vĩnh T1

2. Về con chung: Anh, chị chưa có con chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

3. Về tài sản, công nợ chung: Anh, chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

4. Về lệ phí: Chị Lê Thị Phương T tự nguyện nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) mà chị T đã nộp tại biên lai số 0000366 ngày 18/8/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa (chị T đã nộp đủ lệ phí).

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

***Nơi nhận*:**
- Người yêu cầu
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND khu vực 4 - Thanh Hóa;
- Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa;
- UBND phường S, Thanh Hóa
- Đại sứ quán Việt Nam tại CH Séc
- Lưu HSVA.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

(đã ký)

Nguyễn Văn Hùng